

Số 3395 /NĐCP-KHĐTVT

V/v báo giá vật tư Sửa chữa lớn
Hệ thống máy nén khí tổ máy 1

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty và các đơn vị quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV có nhu cầu Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2027 trong đó có hạng mục Sửa chữa lớn Hệ thống máy nén khí Tổ máy số 1 nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV trân trọng kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan quan tâm tham gia báo giá danh mục hàng hoá như Phụ lục kèm theo: Phụ lục 02: Báo giá vật tư chính Sửa chữa lớn Máy nén khí; Phụ lục 03 Biểu mẫu đề xuất báo giá hàng hóa.

1. Yêu cầu về hàng hóa:

- Yêu cầu về thông số kỹ thuật hàng hóa nêu chi tiết tại Phụ lục số 02;
- Biểu mẫu yêu cầu Báo giá: chi tiết tại Phụ lục số 03;
- Các hàng hóa còn mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, mã hiệu, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ và được sản xuất từ năm 2026 trở lại đây;
- Hàng hóa có đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm và xác nhận của nhà sản xuất hàng hóa khi giao hàng.

Nhà thầu có thể chào đồng thời nhiều phương án xuất xứ hàng hóa khác nhau của cùng một nhà sản xuất/hãng; mỗi phương án cần ghi rõ xuất xứ, đơn giá và thời gian giao hàng để chủ đầu tư lựa chọn và lên phương án sửa chữa.

2. Các yêu cầu về thương mại

- Đơn vị gửi báo giá kèm theo Giấy đăng ký kinh doanh của nhà cung cấp;
- Báo giá phải ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà cung cấp. Báo giá phải do đại diện hợp pháp hoặc nhân sự được uỷ quyền/ phụ trách bán hàng của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu;
- Đơn giá trong báo giá phải được tính đúng, tính đủ các chi phí liên quan (vận chuyển, bảo hiểm, thanh toán....), phí, lệ phí, thuế GTGT;
- Địa điểm giao hàng: Tại Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Tổ 4, khu 4A phường Cửa Ông, thành phố Quảng Ninh.
- Thời gian giao hàng : do Nhà cung cấp đề xuất;
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng;
- Hình thức thanh toán:
 - i) Tạm ứng: Không tạm ứng;
 - ii) Thanh toán: 02 lần;

* *Thanh toán lần 1:* Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán gồm: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của hàng hóa; Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào vận hành; Hồ

sơ quyết toán; Hóa đơn GTGT hợp lệ; Bảo lãnh bảo hành và công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu.

* *Thanh toán lần 2*: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị quyết toán hợp đồng (đã bao gồm giá trị thanh lần 1) trong vòng 30 ngày sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành hạng mục Hệ thống máy nén khí Tổ máy số 1. Hồ sơ thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành và công văn đề nghị thanh toán.

3. Hình thức gửi báo giá và thời gian nhận báo giá

- Hiệu lực của báo giá: ≥ 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.
- Thời gian nộp báo giá và các tài liệu kèm theo: Chậm nhất 16h30' ngày 22/12 /2026.

- Hình thức tiếp nhận báo giá: Online (qua website muasamcong.mpi.gov.vn) và gửi bản cứng theo đường chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ:

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Tổ 4, khu 4A phường Cửa Ông, thành phố Quảng Ninh.

- Email: khdtvt.ndcp@gmail.com

- Điện thoại: 02033 731 030

- Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Mr Ánh 0911.2087.879

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang web TCTĐL-TKV (đăng tải);
- Trang web TKV (đăng tải);
- Giám đốc (b/c);
- Phòng KTAT, KH-ĐT-VT;
- Lưu VT, ĐTB⁽²⁾.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Hồng Hải



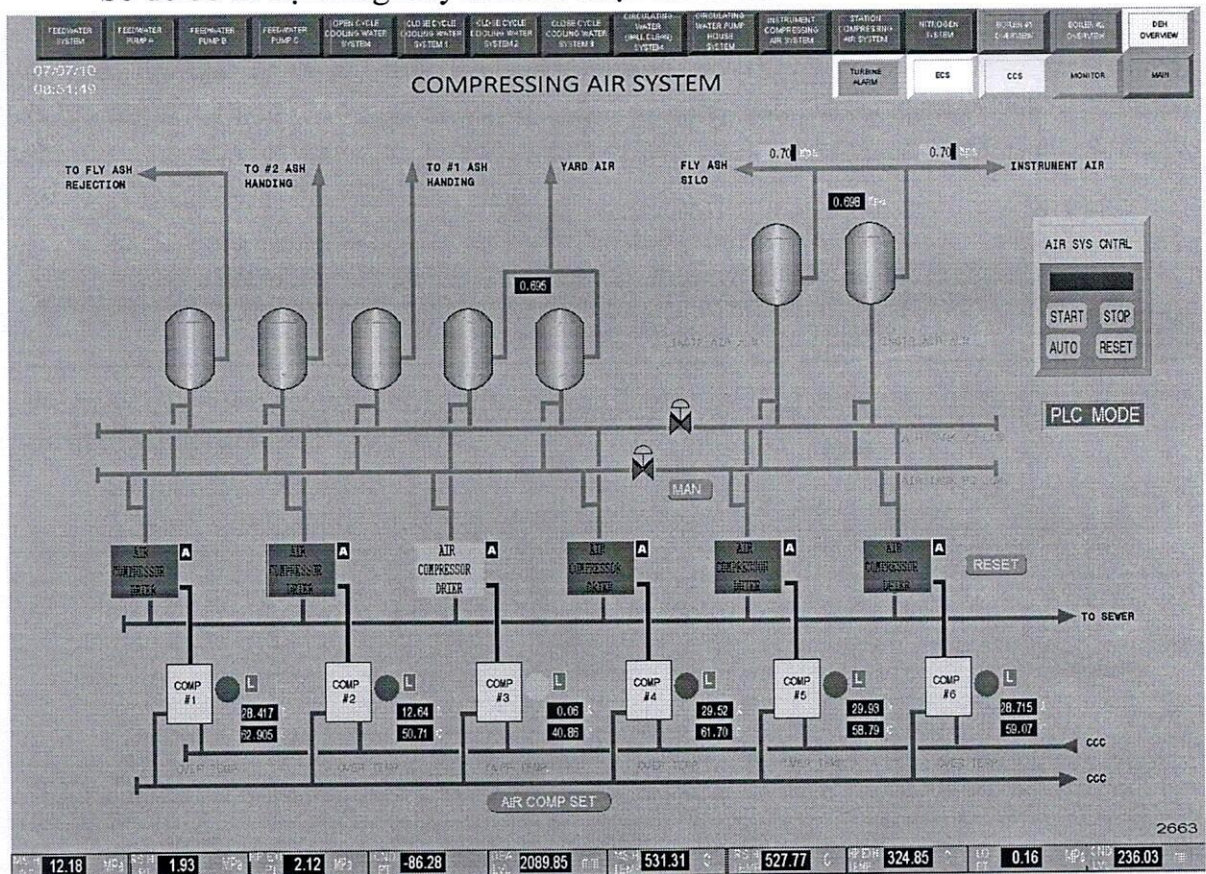
Phụ lục 01: Giới thiệu về hệ thống Máy nén khí
(Đính kèm Công văn số 3395/NĐCP-KHĐTVT ngày 23/9/2026)

1 Tổng quan hệ thống khí nén đang sử dụng

Hệ thống khí nén nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả (CP1-CP2) gồm có 12 máy nén khí được đánh số từ 1 đến 12. Trong đó có 8 máy nén khí cấp khí cho hệ thống vận chuyển tro và khí phục vụ (máy nén khí số 1÷4 CP1 và máy nén khí số 9÷12 CP2), 4 máy nén khí cấp khí nén điều khiển (máy nén khí số 5÷6 CP1 và máy nén khí số 7÷8 CP2) cho các cơ cấu chấp hành. Để đảm bảo làm khô khí nén ở đầu ra của mỗi máy nén khí có lắp đặt bộ làm khô khí kiểu hấp thụ sử dụng hạt nhôm ôxít (Al_2O_3). Do chất lượng khí nén không đảm bảo đủ khô, nên Công ty đã đầu tư lắp đặt thêm cho mỗi MNK một bộ làm khô khí nén kiểu làm lạnh.

Mỗi tổ máy trong nhà khí nén có 2 ống góp, trên 2 ống góp có 2 van khí cách ly nhằm mục đích cách ly hệ thống khí nén điều khiển và các hệ thống khí nén khác. Ống góp giữa hai tổ máy thông nhau, trên mỗi ống góp có một van liên thông. Khí nén điều khiển vào bình chứa khí nén qua 2 bộ lọc, để bảo đảm chất lượng của khí nén điều khiển. Đầu ra của 6 máy nén khí có 7 bình chứa khí nén, sau các bình chứa khí nén không có van liên thông giữa các bình.

Sơ đồ bố trí hệ thống máy nén khí được mô tả như hình 1.



Hình 1: Sơ đồ bố trí hệ thống máy nén khí

2. Thông số kỹ thuật

- Máy nén khí:

Mã hiệu:

L250-08W.

Loại:

Máy nén trực vít.

Số cấp:

1.

Năng suất cấp khí:	40 Nm ³ /phút.
Áp lực đầu ra	0,6÷0,8 Mpa.
- Động cơ:	
Mã hiệu:	UFJ 355-4.
Công suất:	250 kW.
Dòng đầy tải:	27.7 A.
Điện áp:	6300 V.
Tốc độ:	1491 vòng/phút.
Tần số:	50 Hz.
Cấp bảo vệ điện:	55 IP.
- Bộ làm khô khí kiểu hấp thụ sử dụng hạt Al ₂ O ₃ :	
Mã hiệu:	Slad-42J MXF.
Nhiệt độ khí đầu vào:	≤ 45°C..
Áp suất làm việc:	0,6÷1 Mpa.
Điểm đọng sương:	- 40°C.
Lưu lượng khí tái sinh:	4÷6 % (% theo tổng lượng khí SX).
Nhiệt độ gia nhiệt khí tái sinh đến:	160°C..
Chu kỳ vận hành:	2 giờ.
Điện áp:	380/220 V.
Tần số:	50 Hz.
Công suất định mức bộ gia nhiệt:	12 Kw.
- Bộ làm khô khí kiểu làm lạnh.	
Mã hiệu:	D2520IN-A 400/3/50.
Lưu lượng khí định mức:	42 m ³ /phút.
Điện áp định mức:	380/220 V.
Tần số:	50 Hz.
Công suất định mức:	7,53 kW.
Điểm đọng sương:	3°C.
Kiểu làm mát	Bằng quạt gió.

Phụ lục 02 – Báo giá vật tư chính Sửa chữa lớn Máy nén khí

(Đính kèm công văn số 3395 /NĐCP-KHĐTVT ngày 23/9 /2026)

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Nhãn hiệu/Nhà sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
I	Vật tư động cơ				
1	Vòng bi	6322/C3	SKF	Cái	6,00
2	Vòng bi	NU324 ECM/C3	SKF	Cái	6,00
II	Vật tư phần máy nén				
1	Đầu nén máy nén khí	L250-08W Mã hiệu: L250-08W - Loại: Máy nén trục vít - Số cấp: 01 - Năng suất cấp khí: 40 Nm3/phút - Áp lực khí đầu ra: 0,8 Mpa.	CompAir	Bộ	6
2	Dầu bôi trơn Synthetic Oil WRG AEON S	dầu Synthetic Oil WRG AEON S (Ingersoll Rand)	Ingersoll Rand	Lít	840
3	Van điện từ	Burket 6014C (số chế tạo 100004670); Pmax=145psi; G1/2; 24VDC	Burket	Cái	6
4	Van điện từ	Burket 0280B (số chế tạo 100004671); Pmax=232psi; G1/2; 24V DC	Burket	Cái	6
5	Dây curoa	BX122		Cái	60
6	Ống dẫn khí	Mã hiệu: A91801180	CompAir	Cái	6
7	Ống mềm hút khí	Mã hiệu: 100002200 kích thước: D210xL1100mm (kèm 2 cô nhê Inox 1 vít 188-230mm)	CompAir	Cái	6
8	Phin lọc dầu	Mã hiệu: 04425274 (SH8705)	CompAir	Cái	6
9	Phin lọc khí	Mã hiệu: 11516974 (SA6865)	CompAir	Cái	6
10	Phin lọc tách dầu	Mã hiệu: ZS1149273	CompAir	Cái	6
11	Phốt	Kích thước: 135x106x30 (môi trường làm việc: Chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20°C÷ 200oC)	SKF	Cái	6
12	Phốt	Kích thước: 160x106x28 (môi trường làm việc: Chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20°C÷ 200oC)	SKF	Cái	6
13	Phốt	Kích thước: 41,5x57,5x18 (làm việc môi trường chịu dầu, nhiệt độ làm việc từ -20÷200°C)	SKF	Cái	36
14	Ống đồng phi 8mm dẫn dầu hồi về 2 đầu zắc co	Mã hiệu: A91801030 ; ren trong 1/2 inch; chiều dài 1,5m; kết nối 2 đầu ren trong DINEN 835.2SN; 1/4 mã WP 400Bar; ống đồng phi 8mm	CompAir	Cái	6
15	Van cửa nạp (hút)	mã hiệu: A11910074	CompAir	Cái	6
16	Van 1 chiều dầu hồi	Van 1 chiều dầu hồi THJ; D10; ren trong G1/8-2.0		Cái	6
17	Van an toàn bình phân ly	Mã hiệu: ZS1208532	CompAir	Cái	3
18	Cảm biến áp lực khí nén	Cảm biến áp lực khí nén (Cảm biến áp suất loại:	CompAir	Cái	12

1703
Y
HIỆN
- TKV
H TON
HIỆN L
CTCP
P. QV

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Nhãn hiệu/Nhà sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
		100003136/MBS3000) (Bao gồm cả giắc cắm) -1-15bar; 4-20mA P/n: ZS1222410			
19	Cảm biến nhiệt độ dầu	Cảm biến nhiệt độ dầu ZS1171610 902040/10 675749 2000ohm=25°C (Bao gồm cả giắc cắm) P/n: ZS1171610	CompAir	Cái	6
20	Vòng bi	6203 2Z/C3	SKF	Cái	6
21	Quạt hút buồng máy	Gồm: cánh và lồng quạt 1,1kw; 380V; 50Hz; 1440v/p; mã hiệu A11514974	CompAir	Cái	3
22	Bảng điều khiển máy nén khí DELCOS 3100	mã hiệu: 100005506	CompAir	Cái	3
23	Puly dẫn động phía động cơ - MNK	Mã hiệu: A11522474 (đường kính lắp trục phi 100mm, đường kính ngoài phi 479mm, độ dày puly 200mm, kiểu đai thang 10 rãnh)	CompAir	Cái	6
24	Puly dẫn động (phía đầu nén) - MNK	Mã hiệu: A11522674 TL 90 SPB 280x10 (đường kính lắp trục phi 90mm, đường kính ngoài phi 280mm, độ dày Poly 200mm, kiểu đai thang 10 rãnh)	CompAir	Cái	6
25	Bộ kết làm mát dầu (Oil cooler) L132-250W	mã hiệu 100000944	CompAir	Cái	5
26	Kết làm mát khí KL10.5C-00	Mã hiệu: 100000967	CompAir	Cái	5
III	Vật tư bộ làm khô khí kiểu làm lạnh				
1	Gas R404A	R404A		kg	135
2	Lọc khí 24242588	Mã hiệu 24242588		Cái	6
3	Phin lọc tách ẩm	DML 306		Cái	6
4	Công tắc áp suất gas	KP15		Cái	6
5	Bảo ôn dẫn lạnh	dây 10mm		m2	30
6	Hóa chất tẩy rửa cầu cạn	Big Banyan 400ml		Lọ	18
IV	Vật tư bộ làm khô khí kiểu hấp thụ				
1	Hạt hút ẩm	Alumina activated Al2O3; DN=1/4"		Kg	6000
2	Lọc tinh	SLAF-42HA/A-M8	Sotras	cái	12
3	Lọc thô	SLAF-42HT/A-M10	Sotras	Cái	12
4	Van điện từ	Van điện từ BM520 ; 1,5-8kg/cm2 (kèm cuộn hút 220V; 4W và giắc cắm)	Shako	Cái	24
5	Bộ gia nhiệt bộ sấy kiểu hấp thụ	Bộ gia nhiệt bộ sấy kiểu hấp thụ MXF 12kW; 380VAC	Hangzhou Shanli	Cái	3
6	Bộ giảm âm cho bộ sấy hấp thụ	Mã hiệu: 01001765, ren kết nối 2", KT: D133x470mm	Compair	Cái	12

STT	Tên nội dung /vật tư, thiết bị	Thông số, đặc tính cơ bản của thiết bị, hãng sản xuất	Nhãn hiệu/Nhà sản xuất	Đơn vị	Khối lượng
7	Cụm van cánh bướm (van khí nén)	DN65 đi kèm bộ điều khiển bằng khí nén; Model: HTD52 (P/N:GK052DA)	GEKO	Cái	12
8	Cụm van cánh bướm (van khí nén)	DN80 đi kèm bộ điều khiển bằng khí nén; Model: HTD53 (P/N:GK063DA)	GEKO	Cái	12
9	Van 1 chiều	1 chiều Inox chữ ngã DN80; PN16		Cái	12
10	Bộ điều khiển PLC	Bộ sảy kiểu hấp thụ ZXK-YR-I (ZX10)	Hangzhou Shanli	Cái	6
11	Van tay	Van tay gạt ½”; PN10; 2 đầu ren trong		Cái	30
V	Vật tư các van trên đường ống dẫn khí, dẫn nước hệ thống khí nén				
1	Van tay DN25; PN25	DN25; PN25 2 đầu ren trong; L=65mm		Cái	7
2	Đồng hồ áp lực đường kính D100	đường kính D100; 0-1.6Mpa (dán tem kiểm định)		cái	7
3	Van cầu inox kết nối mặt bích DN150	Inox kết nối mặt bích DN150; 8 lỗ bulong M16x100; Pn16; L=360mm		cái	18
4	Bulong	M16x100; 8.8		bộ	288
5	Van cầu inox kết nối mặt bích DN100	Inox kết nối mặt bích DN100; 8 lỗ bulong M16x100; Pn16; L=270mm		cái	12
6	Bulong	M16x100; 8.8		bộ	192
7	Van cầu	inox kết nối mặt bích DN50; PN16 kg/cm2; kết nối mặt bích L=190mm		Cái	6
8	Bulong	M12x50, inox 304; 8.8		Bộ	192

Nhà thầu có thể chào đồng thời nhiều phương án xuất xứ hàng hóa khác nhau của cùng một nhà sản xuất/hãng; mỗi phương án cần ghi rõ xuất xứ, đơn giá và thời gian giao hàng để chủ đầu tư lựa chọn và lên phương án sửa chữa.

PHỤ LỤC 03. BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT BÁO GIÁ HÀNG HÓA
(Đính kèm văn bản số: 3395 /NĐCP-KHĐTĐVT ngày 23/9/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ, mã hiệu	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thời hạn giao hàng
1										
2										
	Tổng cộng:									